

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

THỰC TRẠNG GIẢNG DẠY TIẾNG HOA VÀ TIẾNG TAMIL TRONG CÁC TRƯỜNG HỌC Ở MALAYSIA

CURRENT SITUATION OF TEACHING CHINESE

AND TAMIL IN MALAYSIA SCHOOLS

NGUYỄN THỊ VÂN

(TS; Đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội)

Abstract: Malaysia is a multi-ethnic, multilingual and multi-cultural country with three main ethnic communities: Malay, Chinese and Indian (of which the majority are Tamils). Although, Malay was declared by constitution as the national language, but the Malaysian language policy does not take away the rightful position of other languages in the society. This article addresses the following issues: 1/The legal basis for inclusion of Chinese and Tamil in teaching within schools in Malaysia; 2/Current situation of teaching Chinese and Tamil in Malaysian schools; 3/Overall assessment.

Key words: Chinese; Tamil; schools; teaching.

1. Mở đầu

Malaysia là một quốc gia đa dân tộc, đa ngôn ngữ và đa văn hóa với ba cộng đồng dân tộc chính là người Melayu, người Hoa và người Ấn Độ (trong đó, chiếm đa số là người Tamil). Sau khi giành được độc lập vào năm 1957, tiếng Melayu - Bahasa Melayu được hiến pháp tuyên bố là ngôn ngữ quốc gia với tên gọi là tiếng Malaysia - Bahasa Malaysia (chiếm gần một nửa số dân trong nước). Sự có mặt của cộng đồng người nước ngoài, đặc biệt là hai cộng đồng lớn là người Hoa (khoảng 30%) và người Tamil (khoảng 8%) đã làm cho cảnh huống ngôn ngữ của Malaysia trở nên phức tạp hơn. Người Malaysia có một khẩu hiệu "*Bahasa Jiwa Bangsa*" tức "*Ngôn ngữ là linh hồn dân tộc*" và điều này đã ăn sâu vào tâm thức của họ vì nó mang lại cảm giác về lòng tự hào dân tộc. Cũng như người Melayu ở Malaysia, các cộng đồng dân tộc khác đều mong muốn ngôn ngữ của chính cộng đồng mình được giữ gìn và phát triển.

2. Cơ sở pháp lý để đưa tiếng Hoa và tiếng Tamil vào dạy trong các trường học ở Malaysia

Điều 152 của Hiến pháp Malaysia quy định: (1) Không ai bị cấm, hay ngăn cản sử

dụng (nếu không vì mục đích chính thức) hoặc ngăn cấm dạy và học bất kỳ ngôn ngữ nào khác; (2) Không có phần nào trong điều khoản này thiên lệch vì quyền lợi của chính phủ Liên bang hay bất cứ chính quyền địa phương nào nhằm lưu giữ và duy trì việc sử dụng cũng như học tập các ngôn ngữ của các cộng đồng khác thuộc Liên bang.

Như vậy, chính sách của nhà nước là đưa tiếng Melayu lên làm ngôn ngữ quốc gia nhưng cũng không tước đoạt các vị trí chính đáng của những ngôn ngữ khác trong xã hội như tiếng Hoa, tiếng Tamil và ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số.

Người Hoa và người Tamil, hai cộng đồng dân tộc lớn chiếm gần một nửa số dân của Malaysia nhưng không có được vị trí là ngôn ngữ chính thức như họ mong đợi. Tuy vậy, Hiến pháp vẫn bảo vệ việc tự do học và sử dụng các ngôn ngữ khác trừ các mục đích thuộc chính quyền. Kết quả là tất cả các tài liệu và các cuộc họp tổ tụng của toà án, các tài liệu và hội nghị của quốc hội đều được thực hiện bằng tiếng Melayu.

Như vậy, Malaysia đã cho phép duy trì và bảo vệ ngôn ngữ mẹ đẻ của các dân tộc sinh sống ở Malaysia thông qua việc dạy, học và tự do dùng tiếng mẹ đẻ của mình ngoài các

mục đích chính thức. Các văn bản pháp luật như *Chính sách giáo dục quốc gia*, *Chính sách Ngôn ngữ Quốc gia* và *Đạo luật ngôn ngữ sửa đổi* cũng cho phép các dân tộc được giáo dục con em mình bằng ngôn ngữ mẹ đẻ ở bậc tiểu học (riêng đối với cộng đồng người Hoa là cả bậc trung học). Chính sách giáo dục của Malaysia đối với ngôn ngữ của các dân tộc không phải là người Melayu (bao gồm cộng đồng người nhập cư và cộng đồng các dân tộc thiểu số bản địa) quy định, trong các "*Trường Quốc gia*" tiếng Melayu là phương tiện trong giáo dục, tiếng Hoa, tiếng Tamil và một vài ngôn ngữ dân tộc thiểu số được giảng dạy như một môn học ở lớp *POL (Pupils' Own Languages - ngôn ngữ của chính học sinh* và hiện nay thuật ngữ này được gọi là "*ngôn ngữ bổ trợ*"). Những ngôn ngữ này chỉ được dạy với điều kiện phải có đủ số lượng tối thiểu là 15 học sinh và các lớp học phải được tổ chức sau giờ học chính quy.

Tuy nhiên, chính sách của nhà nước chủ yếu đề cập đến việc giáo dục tiếng mẹ đẻ của người Hoa và người Ấn Độ, còn các cộng đồng dân tộc thiểu số ít được nhắc đến. Vì vậy trong nhiều năm, tiếng Tamil và Mandarin là hai cộng đồng hoạt động chủ yếu trong phạm vi của điều khoản này cùng với bản ngữ Iban và Kadazandusun và sau này là tiếng Semai được đưa vào dạy trong trường phổ thông. Ngoài ra khó có thể nói rằng các dân tộc thiểu số được đảm bảo một cơ chế để phát triển.

3. Thực trạng giảng dạy tiếng Hoa và tiếng Tamil trong các trường học ở Malaysia

3.1. Việc giảng dạy tiếng Hoa

Vào đầu thế kỉ thứ 19, các trường tiếng Hoa thường do người Hoa mở ở những nơi có cộng đồng người Hoa sinh sống. Khóa học trong các trường này thường bao gồm môn số học và các tác phẩm cổ điển Trung Hoa. Ảnh hưởng của Cách mạng năm 1911 ở Trung Quốc đã khiến cho hệ thống các trường tiếng Hoa nổi lên ở Malaysia.

Các trường học của cộng đồng người Hoa thường được thương nhân Hoa kiều tài trợ, chứ không như trường tiếng Melayu và tiếng Tamil phải trông chờ vào trợ cấp của chính phủ. Cộng đồng người Hoa còn tài trợ cho cả trường tiếng Hoa cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông (trong khi đó, các trường tiếng Melayu và tiếng Tamil chỉ có ở bậc tiểu học). Một số học sinh người Hoa tiếp tục theo học cấp cao hơn ở những trường đại học tại Trung Quốc. Giảng viên tới từ lục địa miền Bắc Trung Quốc thường có xu hướng nghiêng về văn hóa Trung Quốc. Các trường tiếng Hoa được mở ở Singapore vào năm 1829 và được nhà nước bảo hộ chỉ từ sau Chiến tranh Thế giới lần thứ 2.

Ủy ban Fenn - Wu ra đời nhằm giải quyết các vấn đề về trường tiếng Hoa. Điều ấn tượng là hầu hết các trường tiếng Hoa đều sẵn sàng chấp nhận việc tiếng Melayu và tiếng Anh sẽ trở thành hai ngôn ngữ chung dùng để giảng dạy và họ vẫn tiếp tục được duy trì tiếng mẹ đẻ của mình để giữ gìn bản sắc văn hoá. Điều này sẽ giúp họ có thể thông thạo ba thứ tiếng. Trên thực tế, người Hoa thực sự tiếp nhận những lợi ích từ việc thông thạo các loại tiếng này.

Báo cáo Fenn - Wu dường như cũng là tuyên bố chung cho cả người Ấn Độ. Các bản ngữ của nhiều cộng đồng người Ấn Độ (Tamil, Tegulu, Punjabi) đều được duy trì trong các ngôi trường Ấn Độ.

Báo cáo Razak năm 1956 và *Báo cáo Rahman Talib* đã đặt nền móng cho chính sách giáo dục của Malaysia hiện đại. Hai báo cáo này đã tính tới rất nhiều đề xuất của các báo cáo trước đó. Trong phần nội dung chính, *Báo cáo Razak* đã đưa ra hai ý kiến: 1/Nên duy trì hệ thống song ngữ trong các trường tiểu học; 2/Tất cả các trường (bất kể đang sử dụng ngôn ngữ nào để giảng dạy) đều nên sử dụng một chương trình giáo dục chung.

Các trường tiếng Melayu có thể được gọi là "trường quốc gia" và các trường sử dụng

tiếng Anh, tiếng Quan thoại, tiếng Tamil làm ngôn ngữ để giảng dạy được xếp vào các "trường dạng Quốc gia". Người ta hi vọng rằng việc sử dụng một chương trình học chung sẽ khắc sâu hơn các giá trị và quan điểm chung và dần dần sẽ thúc đẩy việc tạo dựng một quốc gia thống nhất mới.

Vào giai đoạn đầu khi bắt tay vào thực hiện chính sách mới này, số lượng các trường trung học tiếng Hoa đã giảm dần đi khi mà một lượng học sinh vào học trong trường quốc gia (nơi mà tiếng Melayu là ngôn ngữ giảng dạy). Tuy nhiên, một phần người Hoa đã chống lại sự thay đổi này. Loh Fook Seng nói rằng, người Hoa "chống lại bất cứ nỗ lực và bất cứ kế hoạch nào có thể thay đổi bản sắc của họ". Và Kua Kia Soong trong câu mở đầu một cuốn sách của mình đã viết: "Các trường tiếng Hoa ở Malaysia là một thực tế hoàn hảo, rằng... nó sẽ đấu tranh bằng chính máu và mồ hôi của mình". Theo nghiên cứu của Stedman (1985), có tới 100 trường tiểu học tiếng Hoa (bao gồm 600.000 học sinh) và 45 trường trung học tiếng Hoa (bao gồm 60.000 học sinh). Nghiên cứu của Gaudart (1985) chỉ ra rằng, chỉ tính riêng ở Johor Baru đã có tới 140 trường tiếng Hoa lại càng khẳng định thêm điều này. Dù cho đây có thể là một vấn đề cản trở sự thống nhất. Song các trường trung học tiếng Hoa vẫn được phép duy trì. Thực tế trở trêu thay, vào năm 2003 Bộ Giáo dục phát hiện ra rằng 60.000 người Melayu đã vào học các trường tiếng Hoa.

Trước độc lập và cho đến năm 1970 tiếng Hoa cùng với tiếng Anh, Melayu, và Tamil là bốn ngôn ngữ được dùng trong giáo dục nhưng điều khác biệt ở chỗ tiếng Melayu và tiếng Tamil chỉ được dùng trong cấp giáo dục tiểu học, tiếng Hoa được dùng từ giáo dục tiểu học lên đến trung học. Những trường tiếng Hoa này thường do các cá nhân tài trợ. Các trường tiếng Melayu và tiếng Tamil chỉ dùng lại ở bậc tiểu học, điều này khiến cho những người Melayu và người Ấn Độ muốn

học lên cao hơn phải vào trường tiếng Anh. Bởi vậy trong suốt thời kì thuộc địa, giáo dục ở bán đảo tạo nên một bức tranh bất cân xứng - với trường tiếng Anh là nguồn chính của giáo dục hoàn chỉnh (tức là nó có tới bậc học thứ ba). Các trường tiếng Melayu và tiếng Tamil dừng lại ở bậc tiểu học, trong khi những trường tiếng Hoa (chủ yếu sử dụng tiếng Quan thoại) lên tới bậc trung học và thậm chí là bậc học thứ ba ở Đại học Nanyang tại Singapore (do các công ty tư nhân tài trợ).

Sau năm 1970, tiếng Melayu là ngôn ngữ quốc gia và là phương tiện giảng dạy duy nhất ở cấp đại học. Trước độc lập chỉ có một trường đại học tiếng Hoa là Đại học Nanyang (nay thuộc Singapore) phục vụ cho học sinh tốt nghiệp các trường trung học tiếng Hoa. Chính phủ đã từ chối không cho dùng tiếng Hoa như ngôn ngữ giảng dạy chính và người Hoa đã đấu tranh để giành lấy quyền lợi này nhưng đều thất bại. Bằng chứng là một dự án thành lập trường đại học Trung Quốc mang tên "Merdeka" nhằm phục vụ cho học sinh tốt nghiệp các trường trung học tư thục Trung Quốc ra đời và tìm kiếm sự ủng hộ của chính phủ, tuy nhiên đã bị chính phủ khước từ. Với Chính sách Kinh tế mới đã luôn dành quyền ưu tiên cho người Melayu, đặc biệt ưu tiên một tỉ lệ rất lớn giáo dục đại học cho họ.

Sau năm 1982 khi tiếng Melayu trở thành phương tiện giảng dạy chính trong hệ thống giáo dục ở Malaysia thì thái độ của người Hoa đối với tiếng Melayu - ngôn ngữ quốc gia bắt đầu thay đổi. Họ bắt đầu nhận thấy vai trò to lớn của ngôn ngữ quốc gia và sự thiệt thòi không nắm vững ngôn ngữ này. Cho đến nay, hầu hết người Hoa đều muốn có nhu cầu học và biết ngôn ngữ quốc gia.

Hiện nay ở Malaysia có 1281 trường tiểu học "dạng quốc gia" của người Hoa (được chính phủ tài trợ), 60 trường trung học Trung Quốc tư thục (hay còn gọi là Trường Trung học Độc lập Trung Quốc) nơi đa số các môn học được giảng dạy bằng tiếng Hoa. Các

trường này được quản lý và tuân thủ các tiêu chuẩn của Ủy ban Trường học Thống nhất Malaysia (UCSCAM). Tuy nhiên không giống như các trường chính phủ, mọi Trường Độc lập tự đưa ra quyết định của mình. Việc học tập tại các Trường Độc lập kéo dài 6 năm, được chia làm 3 năm trung học và 3 năm cao cấp. Học sinh phải trải qua một kì thi và được cấp bằng gọi là *Bằng thi Thống nhất* (UEC). Ngoài ra còn có duy nhất hai trường cao đẳng với ngôn ngữ giảng dạy là tiếng Hoa.

3.2. Chiến lược giữ gìn tiếng Tamil và những khó khăn đặt ra

3.2.1. Chiến lược giữ gìn tiếng Tamil

Tiếng Tamil được sử dụng trong giáo dục bắt đầu từ năm 1834 ở Singapore (lúc đó Singapore là một phần của Malaysia). Vào năm 1938, có khoảng 305 trường dùng tiếng Tamil. Cũng giống như trường tiếng Melayu, những trường tiếng Tamil thường hướng về vùng nông thôn. Theo như nhà ngôn ngữ học nổi tiếng của Malaysia, Asmah Haji Omar, hầu hết các trường này thường tập trung ở các bang trồng cao su - là nơi sinh sống của người Ấn Độ (những người đã bị thực dân Anh đưa sang đây làm lao động trong các đồn điền cao su). Rất ít học sinh đến trường đầy đủ vì phải giúp thêm gia đình kiếm thêm thu nhập. Các giáo viên được thuê từ Ấn Độ lại thường mang tâm lý hướng về Ấn Độ. Cũng như các trường tiếng Melayu, các trường tiếng Tamil cũng chỉ dừng ở bậc học cơ sở.

Những người Tamil đến Malaysia, các thuộc địa eo biển và các vùng đất khác của Đông Nam Á đã mang theo mình các chiến lược đã được phát triển tại quê hương họ và những chiến lược này dường như là có tác động trong việc bảo tồn và phát triển ngôn ngữ mẹ đẻ. Các chiến lược cơ bản là: 1/Việc dạy và học ở toàn bộ các trường tiểu học dùng tiếng Tamil; 2/Loại tiếng Tamil được dạy và học là tiếng Tamil đang phát triển ở Ấn Độ; 3/Tiếng Anh có thể được chấp nhận ở các cấp học cao hơn và thực tế có thể khá hữu

ích trong môi trường mới; 4/Bất kì một ngôn ngữ địa phương nào hữu ích hoặc cần thiết (ví dụ tiếng Melayu) có thể cũng được dùng để sử dụng phụ thêm nhưng không được đưa lên hàng đầu hoặc thậm chí là ưu tiên thứ hai.

Chiến lược này tiến triển khá tốt trong nền kinh tế Malaysia và thuộc địa Straits thế kỉ 19. Nền giáo dục Anh chỉ thiên vị người Melayu và chính quyền thực dân không ủng hộ trường học sử dụng các loại ngôn ngữ khác. Người Tamil cho rằng, chiến lược nêu trên sẽ rất có ích đối với họ tại Malaysia nhưng chiến lược này ngày càng trở nên mơ hồ, thiếu thực tế và không thể thích nghi khi Malaysia giành được độc lập và dưới mối đe dọa của chính sách ngôn ngữ hết sức khắt khe của Malaysia. Ngày càng nhiều người Tamil giỏi tiếng Anh và một vài số liệu thống kê cho thấy, so với người Melayu và người Hoa, tỉ lệ người Ấn Độ biết và thành thạo tiếng Anh cao hơn hẳn.

Trong các dân tộc ở Malaysia, người Ấn Độ là người nói hai thứ tiếng nhiều nhất. Theo con số thống kê, những người dân Tamil đô thị có độ tuổi 10 có trên 69% biết tiếng Anh (205.459 trong số 295.717 người) và hầu như một nửa nói thành thạo tiếng Melayu. Trong khu vực nông thôn, sự am hiểu tiếng Anh là 27%, trong khi sự am hiểu tiếng Melayu thành thạo là 31% (tỉ lệ chung giữa thành thị và nông thôn có thể là 44%). Kết quả điều tra từ năm 1970-1980 cho ta kết quả người Ấn Độ sử dụng các ngôn ngữ như sau:

	1970	1980
Tiếng Anh	78%	70%
Tiếng Malay	50%	86%
Tiếng Tamil (biết viết)	36%	57%
Tiếng Tamil (nói chuyện)	89%	90%

Chính sách giáo dục đối với tiếng Tamil cũng như đối với tiếng Hoa. Trong các "trường quốc gia" tiếng Malay là phương tiện trong giáo dục, tiếng Tamil và tiếng Hoa có

thể được giảng dạy nếu có 15 sinh viên đề nghị sử dụng nó. Tiếng Tamil được dạy như một môn học ở lớp POL, từ lớp 3 tiểu học cho đến lớp 5 ở trường quốc gia. Tiếng Tamil còn được dạy cho học sinh lớp 6 nếu em nào chọn môn này để thi tốt nghiệp. Tuy nhiên việc giảng dạy ở lớp POL còn thiếu sự giám sát chặt chẽ và hiệu quả. Các lớp POL được tổ chức ngoài giờ học, giáo viên thiếu kinh nghiệm và không đủ nhiệt tình, sách giáo khoa không đủ chất lượng. Do vậy, hầu hết học sinh không chọn môn tiếng Tamil để thi ở các kì thi tốt nghiệp cấp quốc gia.

Mặt khác các trường "dạng quốc gia" dạy bằng tiếng Tamil và tiếng Hoa có thể tồn tại và chúng nhận được các mức hỗ trợ khác nhau từ chính phủ. Các trường dạy bằng tiếng Hoa có xu hướng loại bỏ toàn bộ các khoản trợ cấp để duy trì được sự kiểm soát nhiều hơn. Tại cấp trung học cơ sở, các trường tiếng Hoa được hỗ trợ mang tính cá nhân vẫn tồn tại nhưng không có chỗ cho tiếng Tamil. Cộng đồng người Tamil không thể có đủ điều kiện cho sự xa xỉ này. Tại cấp trung học, tiếng Tamil và tiếng Trung có thể được dạy như một môn học nếu học sinh yêu cầu. Hiến pháp Malaysia đưa ra các bảo đảm cho người sử dụng những ngôn ngữ này trong các bối cảnh không chính thức.

3.2.2. Những khó khăn đặt ra

Tất cả các trường Tamil đều được chính phủ tài trợ nhưng các trường này vẫn bị chia làm hai loại: trường chỉ được cấp vốn và được trợ cấp hoàn toàn và dĩ nhiên là các trường chỉ được cấp vốn làm vào tình thế vô cùng khó khăn. Cơ sở vật chất, trang thiết bị tồi tàn. Vì vậy, từ những năm 1980 Đảng MIC cùng với chính phủ đã có một chương trình đặc biệt với ngân sách 16 triệu Ringit để xây lại trường Tamil. Kết quả là đến năm 1986 đã có 43 trường được xây dựng lại, 5 trường được xây mới, hiện đang có kế hoạch xây thêm 10 trường mới khác. Nhìn chung hệ thống trường học tiếng Tamil không đảm bảo được việc học hành của học sinh. Cộng đồng

Ấn Độ, do eo hẹp về tài chính nên không thể đảm trách được nhiệm vụ xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất cho những trường này. Vì vậy, hiện nay các trường Tamil luôn lâm vào tình trạng thiếu học sinh và người ta lo ngại rằng trong tương lai, một số trường sẽ phải đóng cửa. Để giải quyết vấn đề này, chính phủ cũng đã chi thêm 20 triệu Ringit để phát triển các trường tiếng Tamil.

Ngoài vấn đề cơ sở vật chất, các trường tiếng Tamil đang gặp phải rất nhiều các khó khăn. Tiếng Tamil chỉ được dạy ở một vài trường đại học nhưng không có nhiều sinh viên. Cụ thể là, ở các trường sư phạm đào tạo giáo viên dạy tiếng Tamil số lượng sinh viên đăng kí theo học là không đủ với chỉ tiêu đề ra. Vì vậy, hiện nay tình trạng thiếu giáo viên dạy tiếng Tamil nghiêm trọng. Bên cạnh đó, sách giáo khoa không đủ cả về chất lượng lẫn số lượng, giá đắt, không có nhiều sách để lựa chọn và các nhà xuất bản không nhiệt tình làm sách tiếng Tamil. Một điều nữa cần phải nhắc đến là số lượng học sinh theo học các trường bằng tiếng Tamil ngày càng ít. Cho đến nay, có khoảng 541 trường học bằng tiếng Tamil và 55% người Ấn Độ ở Malaysia học các trường tiếng Tamil. Số còn lại 45 % là những người nói các thứ tiếng mẹ đẻ Ấn Độ khác (Punjabi, Malayalam,...) hoặc là những người Tamil theo học các loại trường khác, có lẽ là các loại trường dạy bằng tiếng Melayu hoặc tiếng Anh (có một số người Ấn Độ theo học trường tiếng Hoa). Số lượng học sinh theo học các trường tiếng Tamil ngày càng teo lại. Người ta tính có khoảng 60% trường Tamil đang thiếu học sinh. Đó thực sự là một con số đáng buồn và đáng báo động.

4. Đánh giá chung

Nếu như cộng đồng người Hoa đã thành công trong việc "tự cứu giúp mình" do có điều kiện vật chất dồi dào, có sự đồng tâm hiệp lực thì cộng đồng người Ấn Độ còn phải cố gắng nhiều hơn nữa. Ngoài sự nỗ lực của chính cộng đồng, nhà nước cũng cần hỗ trợ nhiều hơn nữa về cơ sở vật chất, nguồn nhân

lực (đối ngũ giáo viên). Sách giáo khoa để cộng đồng này có thể bảo tồn, phát triển được vốn văn hoá quý giá và ngôn ngữ của mình.

Nhìn chung, *Chính sách giáo dục của Malaysia* đối với ngôn ngữ của các dân tộc không phải là người Melayu (bao gồm cộng đồng nhập cư và cộng đồng các dân tộc bản địa ít người) quy định, trong “các trường quốc gia” tiếng Melayu là phương tiện trong giáo dục, tiếng Tamil và tiếng Hoa có thể được giảng dạy nếu có 15 học sinh đề nghị sử dụng. Mặt khác, trong các trường “kiểu quốc gia”, ngôn ngữ giảng dạy bằng tiếng Tamil và tiếng Hoa và chúng được hỗ trợ từ chính phủ nhưng lên cấp trung học cơ sở khoản hỗ trợ cho các trường này là không có. Các trường tiếng Hoa được sự hỗ trợ của các cá nhân tài trợ nên vẫn tồn tại và phát triển, còn tiếng Tamil không có đủ điều kiện cho sự xa xỉ này. Hiến pháp Malaysia đưa ra các bảo đảm cho người sử dụng những ngôn ngữ này trong các bối cảnh không chính thức trên. Vì vậy, có thể thấy ở Malaysia tình hình của tiếng Tamil là khá lo ngại, trong khi đó tiếng Hoa lại rất khả quan. Người Ấn Độ đang cố gắng bảo tồn và giữ gìn tiếng nói và văn hoá của mình.

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng “*tình trạng của người Ấn Độ và ngôn ngữ của họ là một vấn đề khó giải quyết*”. Với chính sách ngôn ngữ của Malaysia, người Ấn Độ đang đứng trước một vấn đề rất khó khăn, một mặt phải trung thành với tiếng mẹ đẻ, hai là phải thành thạo ngôn ngữ quốc gia để trở thành một công dân Malaysia “hoàn hảo” và phải thành thạo tiếng Anh để tham gia vào nền giáo dục của đất nước. Mặc dù tiếng Tamil là một ngôn ngữ “không có giá trị kinh tế” trong khu vực nói chung và Malaysia nói riêng nhưng người Ấn Độ vẫn rất cần dùng tiếng mẹ đẻ để: giữ gìn truyền thống văn hoá; giao tiếp trong gia đình và cộng đồng; làm công cụ giao tiếp trong nghề nghiệp và là cầu nối để học ngôn ngữ quốc gia.

Malaysia là một quốc gia có nhiều dân tộc

sinh sống trên đất nước. Tiếng Melayu được hiến pháp Malaysia công nhận là ngôn ngữ quốc gia ngay sau khi đất nước này giành được độc lập. Hiến pháp Malaysia đã cho phép duy trì và bảo vệ ngôn ngữ mẹ đẻ của các dân tộc thông qua việc dạy học và tự do dùng tiếng mẹ đẻ của mình (ngoài mục đích chính thức). Tuy nhiên chính sách của nhà nước chủ yếu đề cập đến việc giáo dục tiếng mẹ đẻ của người Hoa và tiếng Tamil của người Ấn Độ, ngôn ngữ các dân tộc thiểu số bản địa ít được quan tâm đến. Cũng như người Melayu, cộng đồng người Hoa và người Tamil cũng như các dân tộc thiểu số khác ở Malaysia đều mong muốn phát triển ngôn ngữ của chính cộng đồng mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Choi Kim Yok (2008), *Bilingual higher education in Malaysia - Current Issues and Future Prospects*, University of Malaya, Kuala Lumpur.
2. Hafiza Burhanudeen (2009), *Language & social behavior*, Penerbit Universiti Kebangsaan Malaysia.
3. Karla. J. Smith (2003), *Minority language education in Malaysia*, International Journal Bilingual Education and Bilingualism, Vol6, No 1.
4. *The English language in Malaysia and its relationship with the national language*/Language Planning and Education in Malaysia and the South Pacific, Multilingual Matters Ltd, Clevedon- Philadelphia.
5. Lê Minh Hà, *Tìm hiểu nhu cầu giáo dục tiếng mẹ đẻ của các dân tộc thiểu số ở Malaysia* (Luận văn Thạc sĩ Ngôn ngữ học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN).
6. Nguyễn Thị Vân (2010), *Nghiên cứu chính sách ngôn ngữ ở một số quốc gia Đông Nam Á hải đảo: trường hợp Indonesia và Malaysia* (Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN, 2010).
7. Nguyễn Thị Vân (2001), *Bối cảnh và chính sách ngôn ngữ ở Malaysia*, Nxb ĐHQG HN.